

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22/6/2020

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc H.

2. Ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **V.T.H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số X, Đường TĐT.ấp DS 2, TT NS, TS, AG. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà **P.T.D.H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số X, Đường TĐT.ấp DS 2, TT NS, TS, AG. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông V.T.H trình bày như sau:** Ông và bà P.T.D.H kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày

26/5/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ngoài ra, bà H còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 tới nay. Nay cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên V.T.A.T, sinh ngày 27/12/2003 và V.T.S, sinh ngày 28/11/2005, hiện nay đang sống với ông. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc buôn bán nên ông H không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông H có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà H đến để tiến hành hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú của bà H tại trụ sở ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập thể hiện bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Ông H được ly hôn bà H. Về con chung: Giao cháu V.T.A.T, sinh ngày 27/12/2003 và V.T.S, sinh ngày 28/11/2005 cho ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Ông H yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông V.T.H (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Bà P.T.D.H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H và bà H kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 26/5/2006 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng ông H và bà H phát sinh mâu thuẫn, ông H xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, ông H cho rằng do tính tình hai vợ chồng không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ngoài ra, bà H còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 tới nay. Tòa án đã triệu tập bà H để tham gia phiên hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà H thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung:

Ông H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên V.T.A.T, sinh ngày 27/12/2003 và V.T.S, sinh ngày 28/11/2005, hiện nay đang sinh sống với ông. Sau ly hôn, ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T và cháu S hiện nay đang sống với ông H và thời gian ly thân, hai cháu được ông H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và cháu T và cháu S cũng có nguyện vọng được sống với ông H. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T và cháu S, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu T và cháu S, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu S cho ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên ông H không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Ông H phải tạo điều kiện cho bà H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông H không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông H và bà H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.T.H.

* Về hôn nhân: Ông V.T.H được ly hôn với bà P.T.D.H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75/KH, ngày 26/5/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn cấp cho ông V.T.H và bà P.T.D.H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 22/6/2020.

* Về con chung: Giao cháu V.T.A.T, sinh ngày 27/12/2003 và cháu V.T.S, sinh ngày 28/11/2005 cho ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không có yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Ông V.T.H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000847 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà P.T.D.H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H và bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND h.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn.
- UBND xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà